

*h: 60 + 2460; CĐnghĩ, Wphy (ban) 58°  
chuyển lên web → đính kèm 08 GD ty tinh, Phyg KTC chđt pphy tru p ban  
triển khai thực hiện.*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1666/KH-UBND

Quảng Nam, ngày 04 tháng 4 năm 2018

*mahn*

## KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẾN

Số: 1049

Ngày 09/4/18

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”, Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động của ngành giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh với những nội dung sau:

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện các mục tiêu trong Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Nam, Quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nhằm tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh, phù hợp quy luật phát triển khách quan. Hệ thống giáo dục bảo đảm liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân học tập suốt đời, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo mỗi cá nhân. Xây dựng nền giáo dục tỉnh Quảng Nam theo hướng nền giáo dục mở, có đủ điều kiện nâng cao chất lượng, đảm bảo dạy tốt, học tốt, quản lý tốt, thực học, thực nghiệp gắn với khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh theo thị trường lao động và nhu cầu học tập của nhân dân trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đang diễn ra nhanh chóng và mạnh mẽ.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống mạng lưới trường lớp đảm bảo đủ cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu dạy 2 buổi/ngày. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời gian đến. Phát triển quy mô giáo dục và đào tạo hài hòa, cân đối giữa các vùng trong tỉnh. Xây dựng lộ trình phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ

sở hợp lý, tạo điều kiện cho các em có nhiều sự lựa chọn phù hợp với từng đối tượng. Tập trung đầu tư về nhân lực và vật lực nhằm tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; phát triển toàn diện, phát huy năng lực, khả năng sáng tạo của người học. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo, ứng dụng công nghệ hiện đại quản lý, quản trị trong dạy và học, tiếp cận với chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục ở các nước trong khu vực có nền giáo dục tiên tiến, phù hợp với yêu cầu và hướng phát triển nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

#### a) Đối với giáo dục mầm non

##### \* Đến năm 2020:

- Củng cố, nâng cao chất lượng kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; có ít nhất 25% trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, 80% trẻ 3 tuổi, 4 tuổi và 100% trẻ 5 tuổi được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non. Giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở thể nhẹ cân và thấp còi trong các cơ sở giáo dục mầm non xuống dưới 10%.

- 60% trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 10% đạt chuẩn mức độ 2.

Bảng 01: Chỉ tiêu cụ thể từng năm cho cấp mầm non giai đoạn 2018 - 2020

TT	Nội dung	Giai đoạn 2018-2020		
		Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN trẻ 5 tuổi	100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN trẻ 5 tuổi	100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN trẻ 5 tuổi
2	Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi ra nhóm trẻ	21%	23,5%	25%
3	Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3, 4 tuổi ra lớp	78,2%	79%	80%
4	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	99,8%	99,9%	100%
5	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	8%	7,5%	7,2%
6	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	8,7%	8,3%	8%
7	Tỷ lệ trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia	57%	59%	60%

##### \* Đến năm 2025:

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; có ít nhất 30% trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ; 85% trẻ 3 tuổi, 4 tuổi và 100% trẻ 5 tuổi được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở mầm non. Giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở thể nhẹ cân và thấp còi trong các cơ sở giáo dục mầm non xuống dưới 7%.

- 70% trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia, trong đó 20% đạt chuẩn mức độ 2.

Bảng 02: Chỉ tiêu cụ thể từng năm cho cấp mầm non giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nội dung	Giai đoạn 2021 - 2025	
		2020 - 2022	2023 - 2025
1	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi	100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi
2	Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi ra nhóm trẻ	27%	30%
3	Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3, 4 tuổi ra lớp	82%	85%
4	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	100%	100%
5	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	7%	6,5%
6	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	7,5%	7%
7	Tỷ lệ trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	65%	70%
8	Tỷ lệ trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	17%	20%

b) Giáo dục phổ thông

\* Đến năm 2020:

- 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh tiểu học học 2 buổi/1 ngày; 100% học sinh lớp 3 được học Tiếng Anh; 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6. 90% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, trong đó 40% đạt mức độ 2.

Bảng 03: Chỉ tiêu cụ thể cho cấp tiểu học giai đoạn 2018 - 2020

Lộ trình	Tỉ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	Tỉ lệ học sinh lớp 3 được học Tiếng Anh (không tính học sinh điểm lẻ thôn, bản, nóc, các huyện miền núi)	Tỉ lệ học sinh học 2 buổi/ngày (không tính trường 2 cấp tiểu học – trung học cơ sở và không tính học sinh điểm lẻ thôn, bản, nóc, các huyện miền núi)	Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học được học lớp 6
2017 - 2018	99,99%	96,29%	81,4%	99,86%
2018 - 2019	100%	98%	92%	100%
2019 - 2020	100%	100%	100%	100%

Bảng 04: Chỉ tiêu trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2018 - 2020

Lộ trình	Trường chuẩn quốc gia				
	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Tỉ lệ	Trong đó trường đạt chuẩn mức độ 2	Tỉ lệ
2017 - 2018	274	206	75%	64	31%

2018 - 2019	275	221	80%	75	34%
2019 - 2020	275	248	90%	100	40%

- 65% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; 58% trường được đánh giá ngoài; 40% học sinh trung học cơ sở học 2 buổi/ngày, thực hiện tuyển sinh vào lớp 10 theo tỉ lệ và lộ trình phù hợp.

Bảng 05: Chỉ tiêu cụ thể cho cấp trung học cơ sở giai đoạn 2018 - 2020

Năm học	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	60%	63%	65%
Tỉ lệ học sinh học 2 buổi/ngày	0%	20%	40%
Tỉ lệ tuyển sinh vào lớp 10	90%	85%	80%

- 40% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Bảng 06: Chỉ tiêu trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia  
giai đoạn 2018 - 2020

Năm học	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	33%	37%	40%

- Phấn đấu 20% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương.

- 30% giáo viên là người dân tộc thiểu số trong đội ngũ giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú và phổ thông dân tộc bán trú của tỉnh.

- 80% người khuyết tật được học hòa nhập ở tất cả các cấp học phổ thông và trình độ đào tạo.

\* Đến năm 2025:

- 95% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, trong đó 50% đạt mức độ 2; 73% trường được đánh giá ngoài

Bảng 07: Chỉ tiêu trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025

Lộ trình	Trường chuẩn quốc gia				
	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Tỉ lệ	Trong đó trường đạt chuẩn mức độ 2	Tỉ lệ
2020 - 2022	275	252	92%	115	46%
2022 - 2025	275	262	95%	131	50%

- 80% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; 60% học sinh trung học cơ sở học 2 buổi/ngày.

- Tỉ lệ học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt 30%.

Bảng 08: Chỉ tiêu cụ thể cho cấp trung học cơ sở giai đoạn 2021 - 2025

Năm học	2020 - 2022	2022 - 2025
Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	75%	80%
Tỉ lệ học sinh học 2 buổi/ngày	40%	40%
Tỉ lệ tuyển sinh vào lớp 10	75%	70%

- 60% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 78% trường được đánh giá ngoài.

Bảng 09: Chỉ tiêu trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia  
giai đoạn 2021 - 2025

Năm học	2020 - 2022	2022 - 2025
Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	55%	60%

Bảng 10: Kế hoạch thực hiện đánh giá ngoài kiểm định chất lượng giáo dục đến năm 2020 và 2025

TT	Cấp học	Tổng số trường	Kế hoạch đến năm 2020		Kế hoạch đến năm 2025	
			Số lượng trường được đánh giá ngoài	Tỉ lệ	Số lượng trường được đánh giá ngoài	Tỉ lệ
1	Mầm non	267	103	39%	203	76%
2	Tiểu học	274	102	37%	202	73%
3	THCS, PTCS	218	126	58%	218	100%
4	THPT	55	18	33%	43	78%

c) Giáo dục thường xuyên

\* Đến năm 2020:

- Bảo đảm cơ hội học tập thường xuyên, suốt đời cho mọi người dân để nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động chuyển đổi nghề, đảm bảo xóa mù chữ bền vững.

- Kiện toàn, phát triển tổ chức hội khuyến học ở hầu hết các cơ quan, đơn vị và đa số tổ đoàn kết, cơ sở tôn giáo. Tăng số hội viên khuyến học lên 17% tổng dân số tỉnh. Trung bình hằng năm, tăng nguồn quỹ huy động lên 10% và tăng số học sinh, sinh viên được nhận học bổng, khen thưởng và hỗ trợ trên 7%.

- Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%; trong đó, tỉ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đạt 25%.

\* Đến năm 2025:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; các trung tâm văn hóa - thể thao xã, phường trên địa bàn tỉnh. Phát triển mạnh phong trào học tập thường xuyên, suốt đời tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và các khu dân cư.

- Mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống hội khuyến học các cấp, tích cực góp phần khuyến khích, hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương.

- Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; trong đó, tỉ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đạt 35%.

d) Giáo dục nghề nghiệp

\* Đến năm 2020:

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng mở và linh hoạt đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; bảo đảm quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, chuẩn hoá, hiện đại hoá. Nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, tăng tỉ lệ lao động có việc làm sau đào tạo.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo lao động cho các chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo nhu cầu xã hội.

\* Đến năm 2025:

Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế trước sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0).

e) Giáo dục đại học

\* Đến năm 2020:

Tỉ lệ cán bộ và giảng viên của trường Đại học Quảng Nam có trình độ sau đại học (*thạc sĩ, tiến sĩ*) đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học ngang bằng với mức bình quân các cơ sở giáo dục đại học của các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

\* Đến năm 2025:

Trường Đại học Quảng Nam thực hiện tự chủ hoàn toàn về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính; đào tạo sau đại học theo nhu cầu thị trường; chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học ngang bằng với mức bình quân các trường đại học trong khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

## II. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 1. Tăng cường công tác tuyên truyền về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

a) Các cấp chính quyền tạo điều kiện tốt nhất về đầu tư ngân sách, con người, trang thiết bị giảng dạy học tập nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh ủy, nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Các cấp ủy tăng cường chỉ đạo công tác thông tin truyền thông, mở chuyên mục phát thanh, truyền hình về giáo dục và

đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng việc phát hiện, biểu dương kịp thời gương người tốt việc tốt, trong hoạt động giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp trên sóng Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Nam và Báo Quảng Nam.

b) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cộng đồng, gia đình về vai trò, vị trí của giáo dục và đào tạo; xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, đầu tư cho giáo dục, đào tạo là đầu tư cho sự phát triển bền vững trung tuyên truyền, lãnh đạo, chỉ đạo hợp lý.

## **2. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, bảo đảm tính thống nhất và dân chủ trong nhà trường và cơ quan quản lý giáo dục; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục; coi trọng quản lý chất lượng**

a) Các cấp ủy, chính quyền tập trung triển khai có hiệu quả Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đã được phê duyệt. Chủ động xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

b) Thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ một cách thống nhất và hiệu quả.

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả quản lý nhà nước tại các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội. Thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; giáo viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

d) Định kỳ rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh và xã hội. Thực hiện tốt công tác dự báo để xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo nghề, đào tạo cao đẳng, đại học hàng năm trên cơ sở nhu cầu của thị trường lao động, năng lực đào tạo.

đ) Xây dựng, hoàn thiện chương trình và triển khai giảng dạy văn hóa, lịch sử địa phương phù hợp trên địa bàn tỉnh.

e) Đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”.

g) Đổi mới hình thức thi đua, đánh giá thực chất, công tác khen thưởng đảm bảo kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch và hướng về cơ sở; tổ chức phong trào thi đua với tiêu chí cụ thể, rõ ràng, thiết thực, bảo đảm tính khả thi; có lộ trình thực hiện cụ thể, có kiểm tra, thanh tra, tránh bệnh thành tích.

h) Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra người đứng đầu các cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; tập trung giải quyết các hiện tượng tiêu

cực gây bức xúc trong xã hội như vấn đề dạy thêm học thêm, lạm thu trong trường học.

### **3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng chính sách đặc thù cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục**

a) Triển khai thực hiện Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”. Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành giáo dục tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế. Từng bước bố trí giáo viên các cấp học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đồng bộ về cơ cấu bộ môn theo quy định, đặc biệt bố trí đủ giáo viên tiếng Anh để tổ chức giảng dạy cho 100% học sinh các lớp 3, 4, 5.

b) Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đảm bảo về chất lượng theo hướng chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp và yêu cầu triển khai chương trình, sách giáo khoa mới; xây dựng kế hoạch đào tạo chuyển đổi đối với giáo viên hạn chế về chuyên môn để đáp ứng yêu cầu trong trình hình mới; phát triển đội ngũ nhà giáo cốt cán ở từng bộ môn của các cấp học.

c) Triển khai thực hiện Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, từ đó tiến hành đánh giá, phân loại, đưa ra khỏi biên chế những giáo viên dôi dư, không đáp ứng yêu cầu công việc, không thể tiếp tục bố trí công tác khác đồng thời giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đối với những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế.

d) Thông qua các chương trình hợp tác với các trường đại học, dự án quốc tế để bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên các cấp học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới; đặc biệt là đội ngũ giáo viên tiếng Anh, giáo viên dạy nghề.

d) Có kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; tôn vinh, khen thưởng các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tiêu biểu, có nhiều đóng góp và sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở đánh giá năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác. Bảo đảm công bằng giữa giáo viên công lập và giáo viên ngoài công lập về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

e) Triển khai thực hiện quy định về quy chế việc làm; chế độ làm việc của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp kết hợp với đánh giá, phân loại, sàng lọc đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

### **4. Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp dạy học phù hợp yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học và theo lộ trình triển khai của các Bộ, ngành Trung ương**

a) Tiếp tục thực hiện có chất lượng nội dung chương trình giáo dục mầm non, chú trọng kết hợp chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên về nhân cách. Triển khai chương trình bồi dưỡng, hướng dẫn phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ tại các nhóm trẻ và tại gia đình.

b) Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất của người học, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức kỹ năng của học sinh. Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, chuyển từ việc truyền thụ kiến thức một chiều sang tổ chức hoạt động tích cực, tự lực của học sinh, tăng cường các hoạt động thực hành, vận dụng kiến thức kỹ năng, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ hành vi cho học sinh. Tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Quản lí hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

c) Tổ chức quán triệt và tuyên truyền về mục tiêu, nguyên tắc, định hướng và các giải pháp chủ yếu xây dựng, biên soạn và thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới theo tinh thần Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

d) Xây dựng, hoàn thiện chương trình giáo dục địa phương cho các cấp học; triển khai giảng dạy văn hóa, lịch sử địa phương phù hợp trên địa bàn tỉnh.

d) Tiếp tục triển khai thí điểm dạy học song ngữ Tiếng Anh - Tiếng Việt đối với các môn khoa học tự nhiên ở hai trường trung học phổ thông chuyên.

e) Đổi mới hình thức tổ chức dạy học chú ý các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh, sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông (ICT), sử dụng có hiệu quả mạng “trường học kết nối” trong dạy học, thí điểm mô hình giáo dục STEM (*Science - Khoa học, Technology - Công nghệ, Engineering - Kỹ thuật và Mathematics - Toán học*)

g) Triển khai thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp và tạo điều kiện chuyển đổi ngành, nghề của người lao động. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung chương trình xóa mù chữ, phổ cập giáo dục và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

## **5. Đổi mới hình thức và phương pháp kiểm tra, thi và đánh giá chất lượng giáo dục, bảo đảm trung thực, khách quan, chính xác, theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học**

a) Thực hiện nghiêm túc quy trình ra đề kiểm tra đánh giá các môn học, xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi, tăng cường các câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các câu hỏi mở để học sinh thực hiện chính kiến về các vấn

đề kinh tế, chính trị xã hội. Vận dụng linh hoạt việc đánh giá thông qua các sản phẩm hoạt động của học sinh. Thực hiện có hiệu quả việc chuyển từ đánh giá bằng cách cho điểm sang đánh giá bằng nhận xét đối với học sinh tiêu học. Phối hợp sử dụng đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và xã hội.

b) Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiêu học theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiêu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Tăng cường quản lý chất lượng đầu ra ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực theo yêu cầu của thị trường lao động.

d) Tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và các chương trình đào tạo để xã hội biết. Chú trọng kiểm tra, đánh giá và kiểm soát chất lượng giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp đối với tất cả các cơ sở giáo dục.

#### **6. Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển giáo dục**

a) Đảm bảo ngân sách chi cho hoạt động thường xuyên tại các cơ sở giáo dục. Quan tâm đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Ưu tiên đầu tư xây dựng phòng học, bàn ghế đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy 2 buổi/ngày các cấp tiêu học (*100% vào năm 2020*) và trung học cơ sở (*40% vào năm 2020*), hạ tầng công nghệ thông tin, hồ bơi di động, cơ sở vật chất rèn luyện thể lực và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

c) Các huyện, thị xã, thành phố tập trung đầu tư để các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia theo mục tiêu, kế hoạch đề ra.

d) Tập trung đầu tư cơ sở vật chất nâng cao chất lượng giáo dục Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.

đ) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề trường, lớp mầm non ở các khu đông dân cư. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh cơ chế phát triển mạng lưới trường lớp, đặc biệt ở các khu đông dân cư nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Thực hiện tốt các chính sách về xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non phục vụ nhu cầu gửi trẻ của công nhân và người dân ở các khu công nghiệp và những nơi tập trung đông dân cư.

e) Quy hoạch, bố trí quỹ đất hợp lý, bảo đảm đủ quỹ đất cho các cơ sở giáo dục theo quy định của Điều lệ trường học và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

g) Triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; xây dựng hệ thống học liệu mở, thư viện điện tử; triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục thống nhất, đồng bộ trong phạm vi toàn tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh về giáo dục và đào tạo phục vụ công tác quản lý các cấp.

h) Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động của cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục và liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho doanh nghiệp.

k) Thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục ngoài công lập, nhất là giáo dục mầm non, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh.

l) Quan tâm đẩy mạnh việc kết nghĩa giữa các trường trọng điểm trong nước và nước ngoài, tăng số lượng học sinh du học. Khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp nhằm đảm bảo kế hoạch phân luồng sau trung học cơ sở; phối hợp giữa các cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với các cá nhân, doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

m) Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học; thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ tài chính đối với các đối tượng chính sách xã hội, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi. Tôn vinh khen thưởng xứng đáng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

## **7. Hoàn thiện hệ thống trường lớp các cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập**

a) Xây dựng quy hoạch phát triển giáo dục đến 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường lớp trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và các khu đô thị; khuyến khích phát triển và thành lập mới các trường mầm non ngoài công lập ở các khu công nghiệp, những nơi đông dân cư, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi.

b) Tập trung củng cố và đầu tư mở rộng quy mô trung tâm giáo dục thường xuyên tinh; thực hiện quy chế phối hợp hoạt động của trung tâm học tập

cộng đồng với trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, phường nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

c) Triển khai thực hiện tốt việc phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

### **8. Tập trung đầu tư phát triển giáo dục miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

a) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất các trường học mầm non, mẫu giáo; tập trung đầu tư các hạng mục: phòng học, nhà ở học sinh, nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, bếp ăn tập thể, các phòng chức năng...; giải quyết tình trạng phòng học xuống cấp và tạm bợ ở các xã vùng sâu, vùng xa thông qua Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Trong đó, cần đặc biệt quan tâm đầu tư cơ sở vật chất đối với các trường phổ thông dân tộc bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ. Xây dựng giải pháp thích hợp huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp chính sách của địa phương với chính sách hỗ trợ của Nhà nước để tổ chức ăn bán trú hoặc thực hiện chương trình bữa ăn/sữa học đường cho trẻ em tại trường/lớp ở các vùng khó khăn, vùng có trẻ người dân tộc thiểu số.

b) Rà soát, quy hoạch, phát triển quy mô, mạng lưới trường lớp theo hướng chuẩn hóa đảm bảo mỗi huyện đều có quy hoạch chi tiết và dành quỹ đất xây dựng cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với tình hình thực tế địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu đưa trẻ đến trường/lớp mầm non.

c) Giảm các điểm lẻ, lớp ghép ở trường tiểu học có quy hoạch chưa hợp lý, không đảm bảo các điều kiện cho hoạt động dạy và học. Xây dựng mô hình trường liên xã cấp trung học cơ sở để tạo điều kiện cho việc bố trí đủ giáo viên. Chuyển đổi các trường tiểu học, trung học cơ sở ở các xã đặc biệt khó khăn thành trường phổ thông dân tộc bán trú.

d) Tập trung xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Nâng cao chất lượng học sinh đầu ra các cấp, tổ chức có hiệu quả công tác bồi dưỡng học sinh khá giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém để tăng tỷ lệ học sinh giỏi, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém; tăng tỷ lệ học sinh đậu vào các trường đại học, cao đẳng, nhất là học sinh dân tộc thiểu số; thực hiện tốt hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh sau bậc trung học, giúp học sinh lựa chọn ngành nghề, hướng học phù hợp để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi.

e) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục người dân tộc thiểu số để có đội ngũ ổn định lâu dài công tác tại các huyện miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Xây dựng cơ chế, chính sách riêng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới đối với giáo viên công tác miền núi nói chung và giáo viên người dân tộc thiểu số nói riêng.

### **9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp**

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020 theo Quyết định số 2448/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ; các trường đại học, cao đẳng, trung cấp

cần tích cực chủ động mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về đào tạo; khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ học sinh, sinh viên đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng kinh phí tự túc.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích các cơ sở giáo dục trong đó đặc biệt là các trường trung học phổ thông chuyên mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín; triển khai các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, nhất là giáo viên giảng dạy ngoại ngữ.

c) Tạo điều kiện để phát triển các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh, đồng thời tăng cường quản lý việc tuân thủ các quy định của nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; khuyến khích thu hút các doanh nghiệp, các chủ đầu tư nước ngoài thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động; thu hút các nhà giáo, nhà khoa học giỏi người nước ngoài tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ chế quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các loại học bổng, tài trợ của nước ngoài.

d) Tăng cường quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước đối với giáo viên, giảng viên các ngành khoa học cơ bản và khoa học mũi nhọn, đặc thù, đặc biệt là đối với giáo viên các trường trung học phổ thông chuyên, Trường đại học Quảng Nam và các trường cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

a) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến trong toàn ngành quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, các đề án, kế hoạch, quy hoạch, chính sách pháp luật về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Ban Chỉ đạo về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp phù hợp với tình hình thực tế.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo, các đề án, kế hoạch cụ thể thực hiện mục tiêu của Kế hoạch này.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí ngân sách hàng năm cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

d) Chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện đạt các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

a) Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch đổi mới lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển lĩnh

vực dạy nghề trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện đạt kết quả.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí ngân sách hàng năm cho lĩnh vực dạy nghề để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

c) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tuyên truyền, tư vấn nhằm phân luồng đào tạo học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông, thu hút ngày càng nhiều học sinh đi học nghề. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **3. Sở Nội vụ:**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo đảm bảo phù hợp với các quy định về phân cấp, định mức phân bổ ngân sách hiện hành; tuyển dụng giáo viên hàng năm cho các cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo đủ giáo viên, hợp lý cơ cấu bộ môn theo quy định. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới; nghiên cứu xây dựng chính sách trong việc cử cán bộ làm công tác quản lý giáo dục, giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan tổng hợp và xác định nhu cầu đào tạo cán bộ làm công tác quản lý, giảng viên, giáo viên, trình Hội đồng đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

c) Tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Lao động-Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí các nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan lồng ghép các chỉ tiêu của Kế hoạch vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc huy động đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện Kế hoạch.

### **5. Sở Tài chính:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách và phân bổ cho các địa phương, đơn vị và các cấp quản lý giáo dục bảo đảm nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch. Hướng dẫn các địa phương, đơn vị và các cấp quản lý giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước đúng định mức, tiết kiệm và hiệu quả.

### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát, thẩm định nhu cầu sử dụng đất của các cơ sở giáo dục theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đất đai xây dựng trường học; tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bố trí quỹ đất xây dựng trường học vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo đúng quy hoạch được duyệt.

#### **7. UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

a) Chỉ đạo việc tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp ở địa phương.

b) Rà soát, điều chỉnh mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực và các quy hoạch mạng lưới giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp của tỉnh.

c) Ban hành kế hoạch hành động, cụ thể hóa các kế hoạch, triển khai đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch hành động cụ thể hàng năm, giai đoạn; tổ chức kiểm tra, đánh giá.

d) Bố trí nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp được phân cấp theo quy định; xây dựng chính sách khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương; định kỳ sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

#### **8. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch:**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện quy chế phối hợp hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng với trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, phường nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

**9. Các Sở, Ban, ngành liên quan:** Tùy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Kế hoạch.

**10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội liên quan:** tham gia tích cực trong công tác phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên và người dân tham gia và giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

**11. Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, Báo Quảng Nam:** Tổ chức thông tin tuyên truyền kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước về kết quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

**12. Trường Đại học Quảng Nam:** Xây dựng kế hoạch đào tạo lực lượng giảng viên có trình độ sau đại học (*thạc sĩ, tiến sĩ*) đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

**13. Hội Khuyến học tỉnh:** Chủ trì, phối hợp với các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan kiện toàn, phát triển tổ chức hội khuyến học. Phát triển số lượng hội viên, hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi...

**14. Các cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh:** Chủ động nghiên cứu, vận dụng để triển khai thực hiện phù hợp với nhiệm vụ của mình nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh trong giai đoạn mới.

Căn cứ Kế hoạch này, các Sở, Ban, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung của Kế hoạch, các Sở, Ban, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./Đ

*Nơi nhận:*

- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- TU, HĐND, UBMTQTVN tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể;
- UBND huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng